TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **145**/2023/DS-PT
Ngày: 19/6/2023
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm.**
Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân.**
ông **Nguyễn Tấn Long.**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLPT- DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp thừa kế tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2445/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** ông Văn Hữu H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị S; trú tại: 336 đường P2, phường A, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- ***Bị đơn*:** ông Văn Đ, năm 1938; địa chỉ: thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Văn Thị Đ1, sinh năm 1942;.

2. Bà Văn Thị Q2, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt

3. Ông Văn Hữu L1, sinh năm 1983;

4. Ông Văn Hữu Ph, sinh năm 1987;

5. Bà Văn Thị Q2, sinh năm 1989;

6. Ông Văn Hữu H2, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Văn Đình L2; trú tại: thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: buôn E1, xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt và có đơn không tham gia phiên tòa.

8. Bà Văn Thị Nh1; địa chỉ: thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

9. Ông Văn L3, chị Hồ Thị L4; trú tại: 1521 15216 Edge water Forest LN Charlotte NC 28278, USA; vắng mặt.

10. Bà Hồ Thị Th1; địa chỉ: thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/7/2020, bản tự khai ngày 03/12/2020, lời khai của bà Nguyễn Thị S là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*** Ông bà nội của ông H là cụ Văn Hữu C1 và cụ Đoàn Thị R (Đoàn Thị R1); cụ C1 và cụ R1 không có con riêng, con nuôi và có 04 người con chung là:

1. Ông Văn Đ;
2. Bà Văn Thị Đ1;
3. Bà Văn Thị Q2;
4. Ông Văn Hữu L5 là bố ông H (chết năm 2007), ông L5 có 02 người vợ là bà Đoàn Thị Ch (chết năm 2020) có 02 người con là Văn Thị Nh1 và Văn Đình L2. Vợ thứ hai tên Nguyễn Thị Thối (chết năm 2012) và 05 người con: Văn Hữu L1, Văn Hữu H, Văn Hữu Ph, Văn Thị Q2 và Văn Hữu H2.

Nguồn gốc ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 50 m^2 tại thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế là của ông bà nội nguyên đơn tên Đoàn Thị R (Đoàn Thị R1) và ông Văn Hữu C1 tạo lập, được UBND huyện Q1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị R theo giấy CNQSDĐ số B506472.

Cụ Văn Hữu C1 chết năm 1983, cụ Đoàn Thị R (Đoàn Thị R1) chết năm 2003. Bố mẹ cụ C1, cụ R1 đều đã chết. Cụ C1 và cụ R1 không để lại di chúc. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia phần di sản thừa kế của cụ C1 và cụ R1 theo pháp luật, ông H xin được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và

không yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà.

**** Bị đơn ông Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có bà Văn Thị Đ1, Văn Thị Q2 thống nhất trình bày:*** về quan hệ huyết thống và nguồn gốc nhà, đất tại thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế như nguyên đơn trình bày là đúng. Hiện nay thửa đất trên sử dụng làm nhà thờ từ đường để thờ ông bà do vợ chồng ông Đ đang ở và quản lý, sử dụng. Nhà thờ được xây dựng vào năm 2019 do con trai ông Đ là Văn Hữu L3 bỏ tiền xây dựng (khoảng 700.000.000 đồng). Vì vậy, họ không Đ ý chia di sản nêu trên, do các anh chị em trong gia đình đã thống nhất không chia, không mua bán chuyển nhượng, để làm nơi thờ tự.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/5/2022, bà Đ1 xin nhận phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đồng ý trích 5% di sản thừa kế của cụ C1 và cụ R1 cho ông Đ do có công sức giữ gìn thửa đất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022, bà Văn Thị Đ1 và bà Văn Thị Q2 đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ R1 theo quy định của pháp luật và xin nhận chung một thửa đất. Nếu phần đất được chia ít hơn kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng theo quy định của pháp luật thì không yêu cầu thanh toán bằng giá trị.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022, bị đơn ông Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Th1 (vợ ông Đ) thống nhất trình bày: Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, ông Đ và bà Th1 yêu cầu trích công sức tôn tạo, giữ gìn di sản là 10%. Ông Đ đề nghị gộp phần đất thừa kế được hưởng và phần đất trích công sức cho vợ chồng thành một thửa đất đứng tên chung hai vợ chồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn L3, bà Hồ Thị L4 trình bày:*** Vợ chồng ông, bà không Đ ý với ý kiến của nguyên đơn. Bởi vì, tất cả con cháu trong gia đình cùng có mong muốn dùng mảnh đất của ông bà nội cho việc thờ cúng tổ tiên. Chỉ có một mình ông Văn Hữu H muốn chia miếng đất cho cá nhân ông. Từ trước đến giờ, ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ của một người cháu trong gia đình. Vợ chồng ông L3 và bà Lý có bỏ ra số tiền 700.000.000 đồng để xây dựng nhà thờ tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 10, diện tích 963m^2, tọa lạc tại thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph, ông Văn Hữu L1, ông Văn Hữu H2, bà Văn Thị Q2*** nhất trí với ý kiến của ông H về yêu cầu chia di sản thừa kế. Đối với phần thừa kế mà họ được nhận thì tất cả tự nguyện tặng cho ông Văn Hữu H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị Nh1 trình bày:*** Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà đề nghị được chia kỷ phần

thừa kế của bà được hưởng theo quy định của pháp luật và xin được nhận đất. Đồng ý trích công sức giữ gìn thửa đất cho ông Văn Đ là 5% giá trị thửa đất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Đình L2 trình bày:*** Yêu cầu được hưởng phần di sản do ông bà để lại và xin được nhận đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; các Điều 35; 147; 165; 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 167 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Hữu H.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Văn Hữu C1 là năm 1983, cụ Đoàn Thị R (Đoàn Thị R1) là năm 2003.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ C1 và cụ R (R1) là ngôi nhà cấp 4, và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 619, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 566, tờ bản đồ số 22), tọa lạc tại thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế diện tích 912,2 m^2, trong đó: 400 m^2 đất ở, 512,2 m^2 đất vườn, được UBND huyện Q1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị R1 theo giấy CNQSDĐ số B506472 ngày 24/4/1993.

4. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Văn Hữu C1 và cụ Đoàn Thị R1 (R) là quyền sử dụng thửa đất số 619 tờ bản đồ 10 (thửa số 566, tờ bản đồ 22), tọa lạc tại thôn S1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 912,2 m^2, có giá trị 3.192.700.000 đồng.

5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ R1 (R) gồm 04 người là: ông Văn Đ, bà Văn Thị Q2, bà Văn Thị Đ1, ông Văn Hữu L5.

6. Trích công sức quản lý, tôn tạo di sản cho ông Văn Đ và bà Th1 là 5% giá trị di sản thừa kế với số tiền 159.600.000 đồng, tương ứng với diện tích đất là 45,6 m^2.

7. Diện tích đất còn lại của cụ C1, cụ R1 (R) để chia thừa kế theo quy định của pháp luật là 866,6 m^2 (912,2 - 45,6), trị giá 3.033.100.000 đồng.

8. Chia giá trị như sau:

- Chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ R1 (R) gồm có: ông Văn Đ, bà Văn Thị Q2, bà Văn Thị Đ1, ông Văn Hữu L5 mỗi kỷ phần được hưởng 216,6 m^2, trị giá 758.100.000 đồng.

- Ông Văn Hữu L5 chết nên những người thừa kế của ông L5 gồm các ông,

bà: Văn Hữu H, Văn Hữu Ph, Văn Thị Q2, Văn Hữu L1, Văn Hữu H2, Văn Thị Nh1, Văn Đình L2 mỗi người được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế của ông Văn Hữu L5.

9. Chia hiện vật như sau:

- Giao cho ông Văn Hữu H thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 22, diện tích 216,6 m^2, giá trị 758.100. 000 đồng.

- Giao cho cho bà Văn Thị Đ1 và bà Văn Thị Q2 thửa đất **1175,** tờ bản đồ số 22 có diện tích 326,7 m^2, giá trị 1.143.450.000 đồng.

- Giao cho ông Văn Đ và bà Hồ Thị Th1 thửa đất số **1176,** tờ bản đồ số 22 có diện tích 368,9 m^2, giá trị 1.291.150.000 đồng, trên thửa đất có nhà số 01 và nhà số 02.

(Phần nhà đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền đăng ký quyền sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

10. Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia như sau:

Buộc ông Văn Hữu H phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho bà Văn Thị Nh1 số tiền 108.150.000 đồng, thanh toán cho ông Văn Đình L2 số tiền 108.150.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 01/12/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph có đơn kháng cáo với nội dung: Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định giá đất 3.500.000đ/m^2 là quá cao so với giá đất thực tế tại thời điểm xét xử sơ thẩm dẫn đến không đảm bảo quyền lợi của đương sự nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Văn Hữu H do bà Nguyễn Thị S đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ông Ph không rút yêu cầu kháng cáo. Tại đơn kháng cáo ông Văn Hữu Ph cho rằng, giá trị đất mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định là 3.500.000đ/m^2 là quá cao so với giá đất thực tế tại thời điểm xét xử sơ thẩm dẫn đến không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Ông Văn Hữu Ph là người kháng cáo, nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, một số đương sự khác vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph thì thấy: Theo bản án sơ thẩm thì kỷ phần thừa kế của ông Văn Hữu Ph tự nguyện tặng cho ông Văn Hữu H nên phần kháng cáo của ông Văn Hữu Ph chỉ liên quan đến phần được chia cho ông Văn Hữu H. Tại biên bản định giá ngày 06/01/2022, ông Văn Hữu H có mặt và đồng ý với giá của Hội đồng định giá. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và sau khi xét xử sơ thẩm ông Văn Hữu H không có ý kiến gì về việc định giá. Ông Văn Hữu Ph cho rằng Hội đồng định giá đất quá cao nhưng không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh, trong khi đó tất cả các đương sự trong vụ án đều thống nhất với biên bản định giá, không có ai khiếu nại gì nên không chấp nhận kháng cáo của ông Văn Hữu Ph và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Văn Hữu Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Ph và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 147, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651, 660, 668 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 100, 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chia giá trị như sau:

Ông Văn Hữu L5 chết nên những người thừa kế của ông L5 gồm: ông Văn Hữu H, ông Văn Hữu Ph, bà Văn Thị Q2, ông Văn Hữu L1, ông Văn Hữu H2,

bà Văn Thị Nh1, ông Văn Đình L2 mỗi người được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế của ông Văn Hữu L5.

- Chia hiện vật như sau:

Giao cho ông Văn Hữu H thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 22, diện tích 216,6 m^2, giá trị 758.100. 000 đồng.

- Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia như sau:

Buộc ông Văn Hữu H phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho bà Văn Thị Nh1 số tiền 108.150.000 đồng, thanh toán cho ông Văn Đình L2 số tiền 108.150.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Văn Hữu Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000đ ông Ph đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000245 ngày 09/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCCtại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm